

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮKLẮK**

Bản án số: 95/2020/HS-ST

Ngày: 24 – 12 - 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Cao Thị Hồng Châu; 2. Ông Trương Minh Mẫn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cum'gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cum'gar tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cum'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 89/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2020/QĐST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Danh T**; sinh ngày 20/10/2002, tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn 14, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Danh C, sinh năm 1976 và bà Trần Thị T, sinh năm 1978; bị cáo chưa có vợ con. Tiền án: không, tiền sự: 01, ngày 06/5/2020 bị Công an xã E, huyện C ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/9/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Đình Đ – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo: Ông Nguyễn Minh (Vắng mặt)

Địa chỉ: Huyện đoàn Cum'gar.

Bị hại:

1/ Chị Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Trú tại: Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

2/ Bà Lê Thị S, sinh năm 1962 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn 14, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

3/ Anh Phạm Văn A, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn 14, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Phạm Danh C (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn 14, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

2/ Bà Trần Thị T (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn H, xã Đ, huyện C, tỉnh Quảng Ninh.

2/ Chị Nguyễn Thị D (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn 7, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

3/ Anh Trần Minh H (Vắng mặt)

Trú tại: Buôn H, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Danh T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 23/4/2020 tại thôn 9, xã E, huyện C. Do chưa đủ định lượng để khởi tố nên vào ngày 06/5/2020 Công an xã E, huyện C đã ra Quyết định số 93/QĐXPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với Phạm Danh T về hành vi trộm cắp tài sản với số tiền 750.000 đồng.

Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2020 đến tháng 9/2020, Phạm Danh T tiếp tục thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản và 01 vụ lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản trên địa bàn huyện CưM'gar. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 09 giờ ngày 11/5/2020, Phạm Danh T đi xe buýt từ xã E, huyện C đến quán cà phê, bida Vy Anh tại Buôn E, xã E, huyện C do chị Nguyễn Thị Quỳnh H làm chủ để chơi bi da. Khi đến đây, T thấy có anh Phạm Quang L đang ngồi uống cà phê. Sau khi vào phía trong nhà để đi vệ sinh, T đi lên ngồi vào bàn uống nước với anh L. Khoảng 05 phút sau, T đi vào nhà bếp của quán Vy Anh thấy một cọc tiền có tổng là 7.440.000 đồng để trên kệ chén bát. T lấy trộm cọc tiền rồi đi ra ngoài. Sau đó, T thuê xe taxi về nhà lấy quần áo rồi lên thành phố B, T trả tiền taxi 600.000 đồng. Số tiền còn lại T thuê nhà nghỉ ở bốn đêm, chơi game, ăn uống tiêu xài hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 09 giờ ngày 10/6/2020, Phạm Danh T từ trong nhà đi ra ngoài cổng, thấy nhà bà Lê Thị S ở đối diện không có ai ở nhà nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T mở cổng đi vào trong sân, đi đến kho nông sản của bà S, thấy cửa kho được khóa bằng ổ khóa dây nên T kéo cửa, tạo một khe hở vừa đủ chui người vào bên trong. T quan sát thấy trong kho có bao đựng đầy tiêu hạt đã khô nên lấy một bao tải (loại bao đựng 25kg) để sang tiêu vào từ một bao tiêu đầy qua, sang được hơn nửa bao tiêu thì dừng lại. T mang bao tiêu trộm cắp được bán cho bà Nguyễn Thị D được 17kg, bán được số tiền 900.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Tại kết luận định giá tài sản số 61/KL-HĐĐGTS ngày 09/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện CuM'gar kết luận 17 kg tiêu khô có giá trị là 892.500 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 15 giờ ngày 04/9/2020 tại quán bi da của ông bà Quyền Hương thuộc thôn 5, xã E T hỏi mượn xe mô tô hai bánh, số loại Wave, màu đỏ đã bị nhạt màu, không có biển số, số khung: 022TT117212, số máy 52FMH117212 của anh Phạm Văn A để về nhà ăn cơm thì anh A đồng ý. Sau khi về nhà ăn cơm, T điều khiển xe mô tô đến buôn T, xã E, huyện C để phụ bốc cây thuê. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô đi về, do nảy sinh ý định bán xe mô tô để lấy tiền tiêu xài nên T đã điều khiển xe mô tô đến tiệm sửa xe Honda Minh thuộc buôn Huk A, xã C do ông Trần Minh H là chủ tiệm. Tại đây T hỏi chuyện muốn bán xe máy trên cho ông H với số tiền là 900.000 đồng. Nghi ngờ xe T muốn bán là xe do trộm cắp mà có nên ông H thử trả giá xuống 500.000 đồng thì T đồng ý. Sau đó, ông H đã gọi điện báo cho Công an huyện CuM'gar để xử lý.

Tại kết luận định giá tài sản số 86/KL-HĐĐGTS ngày 28/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện CuM'gar kết luận: 01 xe mô tô, số loại Wave, màu đỏ đã bị nhạt màu, không có biển số, số khung: 022TT117212, số máy 52FMH117212 có giá trị là 1.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 83/CT-VKS ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CuM'gar truy tố bị cáo Phạm Danh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CuM'gar đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; đồng thời giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm Danh T như nội dung cáo trạng và đưa ra các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Danh T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 90, 91, 98, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Danh T từ 06 đến 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 90, 91, 98, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Danh T từ 06 đến 09 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Về biện pháp tư pháp: Đề nghị trả lại 01 xe mô tô, số loại Wave, màu đỏ đã bị nhạt màu, không có biển số, số khung: 022TT117212, số máy 52FMH117212; 01 biển số 37L6-2867; giấy chứng nhận mô tô số 043806 cấp ngày 27/9/2007 mang tên Chu Hùng Việt cho anh Phạm Văn A là chủ sở hữu hợp pháp. Truy thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo số tiền 900.000 đồng. Về

trách nhiệm dân sự: Buộc ông Phạm Danh C và bà Trần Thị T (là bố mẹ đẻ của bị cáo) có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Quỳnh H số tiền 7.440.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo có ý kiến: Thống nhất về tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh gia đình của bị cáo. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội gây thiệt hại không lớn, bố mẹ bị cáo sống ly thân từ khi bị cáo còn nhỏ, bố đi làm ăn xa, bị cáo sống với bà nội thiếu sự quản lý giáo dục của bố mẹ, tại thời điểm phạm tội bị cáo là người chưa thành niên. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo ở mức hình phạt thấp nhất là 06 tháng tù đối với cả 02 tội, hình phạt chung của 02 tội là 12 tháng tù.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện CưM'gar, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 06/5/2020 Phạm Danh T bị Công an xã E, huyện C ra Quyết định số 93/QĐXPVPHC xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, đến ngày 11/5/2020 và ngày 10/6/2020 bị cáo thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản là số tiền 7.440.000 đồng của chị Nguyễn Thị Quỳnh H và 17kg tiêu hạt của bà Lê Thị S trị giá 892.500 đồng. Ngày 04/9/2020 bị cáo mượn xe mô tô số loại Wave, màu đỏ đã bị nhạt màu, biển số 37L6-2867 (khi mượn xe không có biển số) trị giá 1.000.000 đồng của anh Phạm Văn A để đi ăn nhưng T đã mang xe mô tô trên đến buôn Huk A, xã CưM'gar, huyện CưM'gar bán lấy tiền tiêu xài thì bị phát hiện, xử lý.

Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Danh T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Điều 175 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;”.

[3] Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của bị hại mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt trái pháp luật đều bị trừng trị nghiêm khắc, nhưng do ý thức coi thường pháp luật, muốn có tiền tiêu xài nhưng lười biếng lao động nên mặc dù ngày 06/5/2020 bị cáo đã bị Công an xã Ea Kiết xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản nhưng đến ngày 11/5/2020 và 10/6/2020 bị cáo đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản với tổng trị giá là 8.332.500 đồng và ngày 04/9/2020 thực hiện 01 vụ lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt 01 xe mô tô trị giá 1.000.000 đồng. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản và 01 vụ lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn; bị cáo có hoàn

cảnh gia đình khó khăn, bố mẹ sống ly thân từ khi bị cáo còn nhỏ, bị cáo sống cùng bà nội thiếu sự quan tâm, giáo dục của bố mẹ. Vì vậy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước.

[5] Với tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nhận định trên, xét thấy bị cáo phạm tội tại thời điểm chưa đủ 18 tuổi (17 năm 06 tháng 21 ngày tuổi) nên cần áp dụng chính sách đối với người chưa thành niên phạm tội khi xem xét mức hình phạt đối với bị cáo, đồng thời cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội.

[6] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, của người bào chữa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[7] Xét ý kiến của người bào chữa về các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo là có căn cứ, tuy nhiên mức hình phạt đề nghị đối với tội trộm cắp tài sản là nhẹ so với tính chất mức độ hành vi của bị cáo, bị cáo phạm tội 02 lần trở lên, do đó hội đồng xét xử không chấp nhận phần đề nghị của người bào chữa về mức hình phạt.

[7] Trong vụ án này, bà Nguyễn Thị D là người mua của Phạm Danh T 17kg tiêu hạt nhưng bà D không biết số tiêu trên là do T trộm cắp mà có; ông Trần Minh H là người thỏa thuận mua xe mô tô do T chiếm đoạt của người khác nhưng do nghi ngờ tài sản do phạm tội mà có, ông H đã báo Cơ quan Công an nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CuM'gar không đề cập xử lý.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với vật chứng Cơ quan điều tra thu giữ được là 01 xe mô tô, số loại Wave, màu đỏ đã bị nhặt màu, không có biển số, số khung: 022TT117212, số máy 52FMH117212; 01 biển số 37L6-2867; giấy chứng nhận mô tô số 043806 cấp ngày 27/9/2007 mang tên Chu Hùng Việt. Đây là xe của anh Phạm Văn A mua vào năm 2006 để sử dụng, do đó cần trả lại cho anh Phạm Văn A là phù hợp.

- Đối với số tiền 7.440.000 đồng bị cáo Phạm Danh T đã tiêu xài cá nhân hết nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

- Đối với 17kg tiêu hạt, sau khi trộm cắp ngày 10/6/2020 Phạm Danh T mang bán cho bà Nguyễn Thị D. Sau đó bà D đã bán lại cho người khác nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

- Đối với số tiền 900.000 đồng do bị cáo bán tiêu mà có, bị cáo tiêu xài cá nhân hết; đây là khoản thu lợi bất chính nên cần truy thu của bị cáo để sung quỹ Nhà nước là phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại chị Nguyễn Thị Quỳnh H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 7.440.000 đồng, yêu cầu của bị hại là chính đáng, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do tại thời điểm phạm tội bị cáo là người chưa thành niên (trên 15 tuổi), không có thu nhập và không có tài sản riêng để bồi thường, nên cần buộc bố mẹ đẻ của bị cáo là ông Phạm Danh C và bà Trần Thị T phải liên đới bồi thường cho chị H số tiền 7.440.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 586 Bộ luật dân sự;

- Bị hại bà Lê Thị S và anh Phạm Văn A không yêu cầu bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm. Ông Phạm Danh C và bà Nguyễn Thị T phải liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Danh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 90, 91, 98 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Phạm Danh T** 08 (Tám) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; các Điều 90, 91, 98 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Phạm Danh T** 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt của hai tội, hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành là 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 05/9/2020.

**Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại 01 xe mô tô, số loại Wave, màu đỏ đã bị nhạ màu, không có biển số, số khung: 022TT117212, số máy 52FMH117212; 01 biển số 37L6-2867; giấy chứng nhận mô tô số 043806 cấp ngày 27/9/2007 mang tên Chu Hùng Việt cho anh Phạm Văn A là chủ sở hữu hợp pháp.

- Truy thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo số tiền 900.000 đồng.

(*Có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/11/2020 giữa Công an huyện CưM'gar và Chi cục thi hành án dân sự huyện CưM'gar*).

** Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; các Điều 584; 585; 586; 589 Bộ luật dân sự:

Buộc ông Phạm Danh C và bà Trần Thị T có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thị Quỳnh H số tiền 7.440.000 đồng.

Trong trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Phạm Danh T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.
- Ông Phạm Danh C và bà Trần Thị T phải liên đới nộp 372.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bào chữa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi gửi:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1
- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND cùng cấp
- THADS huyện; THA phạt tù
- Sở tư pháp; CA huyện
- Bị cáo, bị hại, người bào chữa
- Người liên quan
- Lưu hồ sơ vụ án

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thiên Lý